

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HÀ NHẬT ANH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HÀ NHẬT ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA NHAT ANH TRADE AND SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HA NHAT ANH TRADE & SERVICES.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110656475

3. Ngày thành lập: 20/03/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Ô số 2, BT7, Khu đô thị mới Vân Canh, Xã Vân Canh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912 365 765

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa)	4620(Chính)
2.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu, các loại thịt, chả, cà phê, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;	4632
3.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống loại có chứa cồn và không chứa cồn	4633
4.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu, đồ nhà bếp, giường tủ, bàn ghế, đồ thủ công mỹ nghệ, đồ truyền thống, đồ điện gia dụng, đèn, bộ đèn điện, bộ đèn năng lượng mặt trời và đồ dùng nội thất tương tự. Bán buôn, xuất nhập khẩu hàng tiêu dùng thiết yếu và nhu yếu phẩm.	4649
5.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện, thiết bị khác dùng trong mạch điện và các thiết bị thông minh), bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng các loại máy móc và thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời,	4659
8.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669

9.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa (không hoạt động tại trụ sở).	0118
10.	Trồng cây hàng năm khác (không hoạt động tại trụ sở).	0119
11.	Trồng cây ăn quả (không hoạt động tại trụ sở).	0121
12.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
13.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
14.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
15.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức sự kiện	8230
16.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Loại trừ Dịch vụ báo cáo tòa án; Loại trừ Hoạt động đấu giá độc lập; Loại trừ Dịch vụ lấy lại tài sản)	8299
17.	Giáo dục thể thao và giải trí (không hoạt động tại trụ sở)	8551
18.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật (không hoạt động tại trụ sở)	8552
19.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
20.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
21.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí Chi tiết: Hoạt động biểu diễn nghệ thuật	9000
22.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
23.	Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán Chi tiết: môi giới hợp đồng hàng hóa	6612
24.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
25.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020
26.	Quảng cáo	7310
27.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
28.	Hoạt động nhiếp ảnh chi tiết: quay phim, chụp hình	7420
29.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động nhượng quyền thương mại	7490
30.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
31.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
32.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
33.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010

34.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
35.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
36.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (không giết mổ gia súc, gia cầm)	1079
37.	In ấn Chi tiết: In máy vi tính, in offset, in tài liệu văn phòng và học tập (trừ in ấn trên bao bì; in ấn trên vải sợi, dệt, may, đan)	1811
38.	Dịch vụ liên quan đến in (trừ in ấn trên bao bì; in ấn trên vải sợi, dệt, may, đan)	1812
39.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
40.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá lưu động hoặc tại chợ	4781
41.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ không bao gồm hoạt động đấu giá)	4791
42.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
43.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
44.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê	5510
45.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Quán ăn, nhà hàng, hàng ăn uống	5610
46.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
47.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Cung cấp suất ăn theo hợp đồng	5629
48.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
49.	Hoạt động viễn thông khác	6190
50.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Trừ kinh doanh dịch vụ cho thuê lại lao động)	7810
51.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ kinh doanh hoạt động cho thuê lại lao động)	7830
52.	Đại lý du lịch	7911
53.	Điều hành tua du lịch	7912
54.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
55.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130

56.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu, đánh máy, đóng cuốn hồ sơ, tài liệu	8219
57.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (có nội dung được phép lưu hành)	4761
58.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
59.	(Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. **Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HÀ THỊ TRAI	Số Nhà 62 Phố Trần Tử Bình, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000	10.000.000	1,000	034154002299	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.000	10.000.000	1,000		

2	ÔN THỊ MINH THỦY	CHC Số E(16.5) Ct3 Vimeco, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000	10.000.000	1,000	001186017098
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	1.000	10.000.000	1,000	
3	VŨ THỊ THU HÀ	TDP Số 11, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	98.000	980.000.000	98,000	001181044968
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	98.000	980.000.000	98,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ THỊ THU HÀ**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *04/04/1981*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001181044968*

Ngày cấp: *09/09/2022*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *TDP Số 11, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *TDP Số 11, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội